

Bản án số: 47/2026/HS-ST
Ngày 10-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 347/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2025/QĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐ-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Kim B, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: Số I đường E mới, phường H, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Ngõ E L, phường N, quận A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim B1 và bà Phạm Thị B2; có vợ là Phạm Thị Thanh M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 27/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 53.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép hoá đơn (hành vi phạm tội lần này thực hiện trước khi B bị xét xử ngày 26/02/2025 nên không tính tiền án); bị tạm giữ ngày 01/4/2025, tạm giam ngày 10/4/2025, đến ngày 12/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Văn M1, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: P, phường A, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị A; có vợ là

Dương Thị Thu H1 và có 06 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 01/4/2025, tạm giam ngày 10/4/2025, đến ngày 19/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

3. Chu Đức C, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1987 tại Hải Phòng; nơi cư trú: L, phường A, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Đức L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M2; có vợ là Bùi Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 27/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 230.000.000 đồng về tội Mua bán trái phép hoá đơn (hành vi phạm tội lần này thực hiện trước khi C bị xét xử ngày 26/02/2025 nên không tính tiền án); bị tạm giữ ngày 01/4/2025, tạm giam ngày 10/4/2025, đến ngày 04/12/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

4. Nguyễn Ngọc C1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số B Do N, H, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H10; có vợ là Hoàng Thị H2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 77/2012/HSST ngày 27/12/2012 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản (đã được xoá án tích), Bản án số 10/2017/HSST ngày 18/01/2017 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích (đã được xoá án tích); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2025; có mặt.

5. Đào Thị Vân A1, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1991 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, quận A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; có chồng là Nguyễn Quang K (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 10/6/2025, đến ngày 28/8/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

6. Nguyễn Thu H3, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1993 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: P, phường A, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ dân phố L, phường A, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn H4 và bà Đỗ Thị T3; có chồng là Đoàn Mạnh T4 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 01/4/2025, đến ngày 10/4/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Kim B, Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Văn M1, Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3

** Đối với các công ty chung của Nguyễn Kim B với Chu Đức C, Nguyễn Ngọc C1*

Khoảng cuối năm 2023, Nguyễn Kim B cùng với Chu Đức C, Nguyễn Ngọc C1 bàn bạc thống nhất mua 02 công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh để mua bán trái phép hóa đơn, lợi nhuận sẽ chia đều; cụ thể:

(1) Công ty TNHH T22 (sau đây gọi là Công ty T22), MST: 0202164794, địa chỉ: G P, V, N, Hải Phòng, người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Nguyễn Ngọc C1. B và C có nhiệm vụ mua hoá đơn đầu vào và tìm khách để bán hoá đơn, C1 có nhiệm vụ quản lý dấu chữ ký số, ký, đóng dấu vào hợp đồng kinh tế, xuất hoá đơn điện tử và đảo tiền để hợp thức hoá việc mua bán hoá đơn không của công ty. B, C thuê người phụ nữ tên A2, N, H9 (chưa rõ nhân thân lai lịch) làm kế toán.

Từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023, C, B, C1 mua của người phụ nữ (chưa rõ nhân thân lai lịch) 71 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 57.368.508.057 đồng với giá 1,5% tổng doanh số để kê khai đầu vào và xuất bán 77 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 53.773.904.941 đồng với giá 02% tổng doanh số. Chu Đức C trực tiếp bán hóa đơn của Công ty T22 cho các Công ty TNHH P11 (MST: 0202161842), Công ty CP X1 (MST: 5701105063), Công ty TNHH T23 (MST: 0200426490) và Công ty TNHH P12 (MST: 0202166551). Trong đó, C thông qua trung gian là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970, trú tại: L, A, Hải Phòng bán hóa đơn cho Công ty P11 (09 số hóa đơn), cho Công ty X1 (04 số hóa đơn).

(2) Công ty TNHH V1 (sau đây gọi là Công ty V1), MST: 0901150642, địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. B, C1 thuê Phạm Trung H5 đứng tên giám đốc, cùng H5 đi mở tài khoản của công ty.

Từ tháng 01/2023 đến 12/2023, B, C mua của Vương Văn C2 (chưa rõ nhân thân lai lịch) 27 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 32.300.813.650 đồng với giá là 2,3% tổng doanh số và giao cho Phạm Thị T5, Sinh năm: 1979, địa chỉ: thôn E D, K, Hải Phòng để xuất bán 22 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 34.548.642.700 đồng cho Công ty TNHH T24 (gọi là Công ty T24), MST: 1000440676, địa chỉ: KCN C, thị trấn A, Q, Thái Bình. Phạm Thị T5 được B, C giao đăng ký kinh doanh, con dấu và chữ ký số của Công ty V1; trực tiếp dẫn Nguyễn Trung H6 đến Công ty T24 để ký hợp đồng và chủ động thuê kế toán để xuất hoá đơn không của công ty V1. B và C1 nhiều lần đi giao nhận chứng từ, hợp đồng, bảng kê hàng hoá giữa công ty V1 với công ty T24 từ Hoàng Sỹ T6 (con trai T5) để đưa cho H6 ký và giao lại cho T5. Một số lần B và C1 đưa H6 đến ngân hàng để ký chứng từ thực hiện việc đảo tiền.

Về việc đảo tiền hợp thức hoá việc mua bán hoá đơn của công ty V1: sau khi Công ty T24 chuyển tiền vào tài khoản của Công ty V1. Chu Đức C chỉ đạo Phạm

Trung H5, Nguyễn Kim B rút tiền từ tài khoản Công ty V1 sau đó chuyển tiền theo chỉ định của Phạm Thị T5 vào tài khoản của Hoàng Sỹ T6 (con trai T5) để trả tiền cho T5 hoặc viết S đưa cho T6 để T6 tự rút tiền từ tài khoản Công ty V1 và chuyển cho T5.

Về thu lợi bất chính:

Đối với Công ty T22: Sau khi trả tiền mua hoá đơn hợp thức hoá đầu vào, trả lương kế toán, C, B, C1 thu được khoảng 300.000.000 đồng; mỗi người được hưởng lợi 100.000.000 đồng/người.

Đối với Công ty V1: tính theo doanh số bán ra, tiền phí bán hoá đơn thu về được khoảng 1.000.000.000 đồng, tuy nhiên, T5 mới trả 400.000.000 đồng; số tiền này C, B đã trả chi phí mua hoá đơn đầu vào nên C, B, C1 nên chưa được hưởng lợi.

** Đối với các công ty Nguyễn Kim B làm chung với Nguyễn Văn M1*

Khoảng tháng 5/2024, B biết Nguyễn Văn M1 có mối quan hệ với Nguyễn Thịnh T7 - Chi cục trưởng chi cục thuế thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nên cùng M1 bàn bạc, thống nhất thành lập một số công ty có trụ sở tại thành phố M, Quảng Ninh và chi số tiền 0,5% doanh số (chưa thuế VAT) là tiền cơ chế “làm luật, bôi trơn” cho Nguyễn Thịnh T7 để được bán trái phép hoá đơn, lợi nhuận sẽ chia đôi. M1 có nhiệm vụ liên hệ với Nguyễn Thịnh T7 để T7 tạo điều kiện thành lập các công ty ma. B sẽ tìm khách để bán hóa đơn.

Qua dịch vụ, Nguyễn Kim B và Nguyễn Văn M1 đã thành lập 37 công ty tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để mua bán trái phép hoá đơn. Trong đó, mua 275 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 283.832.737.103 đồng; xuất ra 790 hoá đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 1.815.090.390.363 đồng cho các công ty của B để làm đầu vào; xuất bán 1.157 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 1.269.344.554.864 đồng cho các cá nhân, doanh nghiệp để thu lợi bất chính. Trong đó, 24 công ty đã xuất bán hóa đơn, 13 công ty chỉ xuất hoá đơn làm đầu vào cho các công ty còn lại hoặc chưa xuất hóa đơn bán không. Cụ thể như sau:

(1) Công ty TNHH T22 (sau đây gọi là Công ty T22), MST: 5702161818; địa chỉ: số H, ngách E, ngõ C T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Lò Văn V. Từ tháng 7-8/2024, xuất bán 55 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 71.676.009.966 đồng.

(2) Công ty TNHH T25 (sau đây gọi là Công ty T25), MST: 5702161102; địa chỉ: số H, ngách E, ngõ C T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Lò Minh L1. Từ tháng 7-8/2024, mua vào 09 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 5.411.337.000 đồng và xuất bán 73 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 37.573.840.843 đồng.

(3) Công ty TNHH P13 (sau đây gọi là Công ty P13), MST: 57021662850; địa chỉ: B M, Khu G, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Sỹ T8. Tháng 9/2024, xuất bán 29 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 34.852.672.425 đồng.

(4) Công ty TNHH N3 (sau đây gọi là Công ty N3), MST: 5702165731; địa chỉ: I D, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Quang T9. Từ tháng 6-9/2024, mua vào 52 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 31.460.080.000 đồng và xuất bán 52 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 31.549.827.086 đồng.

(5) Công ty TNHH N4 (sau đây gọi là Công ty N4), MST: 5702163779; địa chỉ: Thôn H, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Nam T10. Từ tháng 8-10/2024, mua vào 02 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 4.271.705.500 đồng và xuất bán 41 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 61.572.783.760 đồng.

(6) Công ty TNHH K1 (sau đây gọi là Công ty K1), MST: 5702137689; địa chỉ: Ô - phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Duy Q1. Tháng 8/2024, mua vào 31 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 17.673.895.052 đồng và xuất bán 02 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 2.344.570.800 đồng.

(7) Công ty TNHH T26 (sau đây gọi là Công ty T26), MST: 5702160035; địa chỉ: Ngõ B, tổ C, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc là Phạm Văn Năm. Từ tháng 8-9/2024, mua vào 08 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 13.471.747.488 đồng và xuất bán 22 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 31.546.310.060 đồng.

(8) Công ty TNHH T26 (sau đây gọi là Công ty T26), MST: 5702160010; địa chỉ: Ngõ B, tổ C, khu B, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc là Nguyễn Văn Hoạch. Từ tháng 6-8/2024, xuất bán 186 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 228.818.749.839 đồng.

(9) Công ty TNHH H19 (sau đây gọi là Công ty H19), MST: 5702161952; địa chỉ: Ngõ B, tổ C, khu B, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Văn H7. Tháng 8/2024, xuất bán 01 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 89.312.500 đồng.

(10) Công ty TNHH Đ (sau đây gọi là Công ty Đ), MST: 5702162988; địa chỉ: B N, thôn A, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Trần Thị H8. Từ tháng 9-10/2024, xuất bán 62 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 74.186.625.225 đồng.

(11) Công ty TNHH C6 (sau đây gọi là Công ty C6), MST: 5702162868; địa chỉ: Số D M, khu G, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Thân Văn D. Từ tháng 9-10/2024, xuất bán 45 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 54.420.924.709 đồng.

(12) Công ty TNHH V2 (sau đây gọi là Công ty V2), MST: 5702162956, địa chỉ: C T, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc là Cao Xuân T11. Tháng 9/2024, mua vào 56 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 573.233.985.265 đồng và xuất bán 65 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 78.513.887.611 đồng.

(13) Công ty TNHH T27 (sau đây gọi là Công ty T27), MST: 5702162924; địa chỉ: Số B N, Thôn A, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Đặng Tuấn

N1. Từ tháng 8-10/2024, mua vào 31 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 25.001.083.173 đồng và xuất bán 154 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 105.881.067.046 đồng.

(14) Công ty TNHH Đ1 (sau đây gọi là Công ty Đ1), MST: 5702160028; địa chỉ: Ngõ B, tổ C, khu B, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Đỗ Văn T12. Từ tháng 8-9/2024, mua vào 28 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 26.202.131.259 đồng và xuất bán 72 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 62.831.640.396 đồng.

(15) Công ty TNHH L3 (sau đây gọi là Công ty L3), MST: 5702164061; địa chỉ: Thôn D, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Trần Thị H9. Tháng 9/2024, xuất bán 12 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 14.312.045.480 đồng.

(16) Công ty TNHH N5 (sau đây gọi là Công ty N5), MST: 5702165717; địa chỉ: E Đ, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Trọng T13. Tháng 9/2024, xuất bán 06 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 13.666.968.460 đồng.

(17) Công ty TNHH V2 (sau đây gọi là Công ty V2), MST: 5702161776; địa chỉ: Số A M Khu G, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Tòng Văn Q2. Từ tháng 6-9/2024, mua vào 14 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 22.488.553.866 đồng và xuất bán 35 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 35.341.552.986 đồng.

(18) Công ty TNHH Đ2 (sau đây gọi là Công ty Đ2) MST: 5702161141, địa chỉ: Số A M Khu G, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Tòng Văn Q2. Từ tháng 7-9/2024, xuất bán 11 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 19.257.803.500 đồng.

(19) Công ty TNHH B5 (sau đây gọi là Công ty B5), MST: 5702161159; địa chỉ: Số E T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Lò Văn P. Từ tháng 7-8/2024, xuất bán 05 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 9.737.564.373 đồng.

(20) Công ty TNHH V3 (sau đây gọi là Công ty V3), MST: 5702162882; địa chỉ: Số C, T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Thị Việt H10. Từ tháng 7-8/2024, xuất bán 55 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 71.676.009.966 đồng.

(21) Công ty TNHH Đ3 (sau đây gọi là Công ty Đ3), MST: 5702163131; địa chỉ: Số A đường Đ, tổ A, Khu E, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Quang T14. Từ tháng 7-9/2024, xuất bán 75 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 103.280.101.142 đồng.

(22) Công ty TNHH T28 (sau đây gọi là Công ty T28), MST: 5702163722, địa chỉ: B Đ, phường M, tỉnh Quảng Ninh; giám đốc là Tòng Văn X. Tháng 9/2024, mua vào 44 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 64.618.218.500 đồng và xuất bán 06 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 7.822.309.485 đồng.

(23) Công ty TNHH N4 (sau đây gọi là Công ty N4), MST: 5702165636, địa chỉ: D Đại Lộ H, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Văn N2. Tháng 9/2024, xuất bán 44 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 58.169.556.050

đồng.

(24) Công ty TNHH V4 (sau đây gọi là Công ty V4), MST: 5702163747; địa chỉ: Thôn F, xã H, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Việt P1. Từ tháng 8-9/2024, xuất bán 49 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 69.222.421.156 đồng.

13 công ty chỉ xuất hoá đơn làm đầu vào cho 24 công ty trên hoặc chưa xuất hóa đơn bán không gồm:

(25) Công ty TNHH P13 (sau đây gọi là Công ty P13), MST: 5702162970, địa chỉ: số H đường B, thôn I, M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Phạm Văn H11.

(26) Công ty TNHH P14 (sau đây gọi là Công ty P14), MST: 5702166767, địa chỉ: thôn G, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Phạm Văn H11.

(27) Công ty TNHH G (sau đây gọi là Công ty G), MST: 5702162106; địa chỉ: số H, ngách E, ngõ C T, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là: Lò Minh L1.

(28) Công ty TNHH S4 (sau đây gọi là Công ty S4), MST: 5702166742; địa chỉ: thôn D, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Sỹ T8.

(29) Công ty TNHH P15 (sau đây gọi là Công ty P15); MST: 5702160483; địa chỉ: Ô - phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Nguyễn Duy Q1.

(30) Công ty TNHH H20 (sau đây gọi là Công ty H20), MST: 5702163793, địa chỉ: Thôn D, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Lê Hồng H12.

(31) Công ty TNHH T29 (sau đây gọi là Công ty T29), MST: 5702167104; địa chỉ: Thôn G, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Trần Thị H8.

(32) Công ty TNHH T30 (sau đây gọi là Công ty T30), MST: 5702166862; địa chỉ: Thôn D, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Thân Văn D.

(33) Công ty TNHH Đ4 (sau đây gọi là Công ty Đ4), MST: 5702166735; địa chỉ: Số A H, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Đặng Tuấn N1.

(34) Công ty TNHH Q7(sau đây gọi là Công ty Q7), MST: 5702166855, địa chỉ: Thôn A, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Quản Văn H13.

(35) Công ty TNHH T31 (sau đây gọi là Công ty T31), MST: 5702162917; địa chỉ: Số nhà A đường Đ, tổ A khu E, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Quản Văn H13.

(36) Công ty TNHH V5 (sau đây gọi là Công ty V5), MST: 5702162378; địa chỉ: Số E T, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc là Lò Văn P.

(37) Công ty TNHH Đ5 (sau đây gọi là Công ty Đ5), MST: 5702163124; địa chỉ: Số H đường B, phường M, tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc là Lang Thị B3.

** Về cách thức mua bán hóa đơn:*

B trực tiếp sử dụng các công ty gồm: G, H21, Nguyễn Trọng T13 HP, Ngọc Huyền P2, V, B, Văn Nam MC, Phúc T15, Quản Văn H13, Đặng Tuấn N1, Thân Văn D với giá 01% doanh số chưa thuế và giao các công ty còn lại (gồm đầu, chữ

ký số, đăng ký kinh doanh) cho một số đối tượng để bán trái phép hóa đơn. Khi giao các công ty “ma”, Bình thường giao vài công ty cho 01 đối tượng để họ tự chọn công ty xuất hoá đơn đầu vào cho các công ty còn lại. Ngoài ra, những người này còn tự mua hoá đơn đầu vào để họ sử dụng. Căn cứ vào doanh số trên báo cáo thuế hàng tháng của các công ty, B thu phí hoá đơn là 01% doanh số bán ra bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Cụ thể việc giao công ty như sau:

- Giao cho Trần Thị D1, sinh năm 1979, trú tại: Đ, C, T, Bắc Ninh 11 công ty gồm: Phạm Hợi, P, Sỹ Tùng HP, Phạm Tùng P3, Hồ N, Hiền Anh P, L, Đức C MC, Đức Tân Long P4, V, Tòng X.

- Giao cho Nguyễn Văn C3 và Nguyễn Đắc S1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 07 công ty gồm: P13, Q, T, Nguyễn Quang T9, N, K, Đại Thắng 86.

- Giao cho người đàn ông tên H8 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 05 công ty gồm: Đ, Cô T, N, T, Đ.

- Giao Nguyễn Văn A3 (K2, chưa rõ nhân thân, lai lịch) 03 công ty gồm: Anh Lâm P5, Tiến Mạnh P6, T.

Để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Nguyễn Kim B thuê Nguyễn Thu H3 (từ tháng 6 - 8/2024), Đào Thị Vân A1 (từ tháng 8/2024 - 3/2025) làm kế toán với mức lương thỏa thuận là 20.000.000 đồng/tháng. Nguyễn Thu H3, Đào Thị Vân A1 có nhiệm vụ xuất hoá đơn không theo chỉ đạo của B; thực hiện theo dõi giá trị hàng hóa, dịch vụ không ghi trên hóa đơn của các công ty trên để làm căn cứ B thu tiền phí bán hóa đơn. Ngoài ra, B giao cho H3 trực tiếp xuất hóa đơn của công ty V2; giao cho Vân A1 liên hệ với Phạm Thị Q3, sinh năm 2001, trú tại: Đ, C, T, Bắc Ninh để trao đổi các nội dung liên quan đến các công ty giao cho Trần Thị D1.

Trong thời gian từ tháng 6-8/2024, H3 đã giúp B thống kê, theo dõi doanh số 30 công ty (trong đó có công ty V2), đã xuất bán 508 hóa đơn không, doanh số chưa thuế VAT là 562.293.523.120 đồng; được B trả lương thực tế là 40.000.000 đồng.

Trong thời gian từ tháng 9/2024 đến cuối tháng 3/2025, Đào Thị Vân A1 được B giao chữ ký số, máy tính, điện thoại, sử dụng để thống kê, theo dõi doanh số của các công ty, đã xuất bán 649 hóa đơn, doanh số chưa thuế VAT là 707.051.031.744 đồng.

Về thu lợi bất chính:

Do các công ty hoạt động trong thời gian ngắn (1-3 tháng), sau đó bị đưa vào danh sách rủi ro và bị đóng mã số thuế nên B chỉ thu được khoảng 1.300.000.000 đồng, trả lương kế toán cho H3 40.000.000 đồng và Vân A1 127.000.000 đồng, đưa cho Nguyễn Thịnh T7 800.000.000 đồng, tiền cho khách vì hoá đơn bị huỷ khoảng 30.000.000 đồng; còn lại số tiền 300.000.000 đồng, B và M1 mỗi người được hưởng lợi 150.000.000 đồng.

** Đối với các công ty Nguyễn Kim B làm chung với Nguyễn Văn T16*

Khoảng tháng 9/2024, B tiếp tục cùng Nguyễn Văn T16, sinh năm 1990, trú

tại số A Q, H, Hồ N, Hải Phòng) thành lập các công ty có trụ sở đăng ký tại Đ, V (tỉnh Thái Nguyên) để hoạt động mua bán trái phép hoá đơn; bàn bạc và thống nhất với T16 chi số tiền 50% lợi nhuận là tiền cơ chế “làm luật, bôi trơn” cho cán bộ thuế tỉnh Thái Nguyên để được mua bán trái phép hóa đơn, lợi nhuận còn lại sẽ chia đôi. T16 có nhiệm vụ kết nối với cơ quan thuế thông qua đối tượng tên P7 (chưa rõ nhân thân lai lịch) để các công ty được tạo điều kiện hoạt động bán hoá đơn. Nguyễn Kim B có nhiệm vụ tìm khách để bán hoá đơn không. B tiếp tục thuê Đào Thị Vân A1 làm kế toán cho các công ty này; nhiệm vụ của Vân A1 ở các công ty tại Thái Nguyên như ở các công ty tại M; đồng thời giao Vân A1 trực tiếp xuất hóa đơn không của 02 công ty P16. Ngoài ra, B còn thành lập các công ty gồm: Nguyễn Thị , H14 Nguyễn TCT, Bạch Thế P8, DV 80 Văn Hùng (có địa chỉ tại quận C, TP Cần Thơ) rồi giao cho Vân A1 sử dụng chữ ký số để xuất hóa đơn đầu vào cho các công ty “ma” của B. B còn mua lại Công TNHH kinh doanh vận tải T32 (sau đây gọi là công ty T33), MST: 5702113602, địa chỉ: tổ I, khu G, phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh để xuất hóa đơn đầu vào cho các công ty “ma” của B.

Qua dịch vụ, B đã thành lập 11 công ty “ma”, mua 118 hoá đơn không, doanh số chưa thuế VAT là 125.910.640.077 đồng và sử dụng 1.296 hoá đơn, doanh số chưa thuế VAT là 2.104.642.340.444 đồng do chính các công ty “ma” của B xuất cho nhau để kê khai đầu vào và xuất bán 2.040 hoá đơn không, doanh số chưa thuế VAT là 2.658.222.894.670 đồng cho các cá nhân, doanh nghiệp để thu lợi bất chính; cụ thể:

(1) Công ty TNHH P16 (sau đây gọi là Công ty P16), MST: 4601625028; địa chỉ: nhà ông Bùi Đức D2, xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Lê Hồng H12. Từ tháng 12/2024 – 2/2025, mua vào 22 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 23.327.595.988 đồng và xuất bán 257 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 322.311.149.606 đồng.

(2) Công ty TNHH T34 (sau đây gọi là Công ty T34), MST: 4601626409; địa chỉ: Xóm V, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Trần Thị H15. Tháng 12/2024, xuất bán 16 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 15.879.648.700 đồng.

(3) Công ty TNHH V2 (sau đây gọi là Công ty V2), MST: 4601626342; địa chỉ: Xóm L, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Trần Văn L2. Từ tháng 12/2024 - 2/2025, mua vào 06 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 38.295.844.229 đồng và xuất bán 350 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 425.386.621.848 đồng.

(4) Công ty TNHH P17 (sau đây gọi là Công ty P17), MST: 4601626303; địa chỉ: Xóm T, xã L, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Nguyễn Thị H16. Từ tháng 12/2024 - 01/2025, xuất bán 49 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 67.793.068.570 đồng.

(5) Chi nhánh Công ty TNHH T33 (sau đây gọi là Công ty T33), MST: 5702113620-002; địa chỉ: Xóm P, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Nguyễn Thị H17. Từ tháng 11- 12/2024, mua vào 33 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 34.256.561.551 đồng và xuất bán 215 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT)

là 261.896.255.329 đồng.

(6) Công ty TNHH T35 (sau đây gọi là Công ty T35), MST: 4601626416; địa chỉ: Xóm Đ, xã D, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Phạm Công Q4. Từ tháng 12/2024 - 02/2025, mua vào 02 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 2.770.985.836 đồng và xuất bán 438 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 583.618.931.730 đồng.

(7) Công ty TNHH Đ6 TN89 (sau đây gọi là Công ty B6), MST: 4601626371; địa chỉ: Xóm B, xã D, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Ngô Mạnh T17. Từ tháng 12/2024 - 02/2025, mua vào 04 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 3.464.751.000 đồng và xuất bán 187 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 250.134.671.849 đồng.

(8) Công ty TNHH T36 (sau đây gọi là Công ty T36), MST: 4601626198; địa chỉ: Xóm P, xã L, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Nguyễn Văn S2. Từ tháng 02/2025, xuất bán 209 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 378.608.101.148 đồng.

(9) Công ty TNHH T37 (sau đây gọi là Công ty Hồng P10), MST: 4601627378; địa chỉ: Xóm B, xã N, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Nguyễn Hoàng D3. Từ tháng 12/2024 - 02/2025, mua vào 14 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 2.355.662.053 đồng và xuất bán 142 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 108.894.194.642 đồng.

(10) Công ty TNHH H22 (sau đây gọi là Công ty H22), MST: 4601619257; địa chỉ: Tổ F, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc là Nguyễn Anh Q5. Từ tháng 12/2024 - 02/2025, mua vào 25 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 10.876.540.549 đồng và xuất bán 152 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 210.973.048.310 đồng.

(11) Công ty TNHH Đ7 (sau đây gọi là Công ty Đ7), MST: 4601627459; địa chỉ: Xóm Đ, xã D, tỉnh Thái Nguyên; Giám đốc: Trần Đức Nguyễn H18. Từ tháng 01/2025, mua vào 12 hoá đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 10.562.698.871 đồng và xuất bán 25 hóa đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 32.727.202.938 đồng.

** Về cách thức mua bán hóa đơn:*

B trực tiếp sử dụng 02 công ty: P, Toàn Cầu TN 88 và giao các công ty còn lại cho một số đối tượng để mua bán trái phép hóa đơn với giá từ 1% đến 1,4% doanh số chưa thuế VAT. Cách thức giao các công ty và thu tiền hoá đơn tương tự như các công ty tại M. Khách mua hoá đơn trả tiền cho B và T16 bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản B và T16. Việc giao các công ty “ma” cụ thể như sau:

- Giao cho Nguyễn Văn T18 và Vũ Văn S3 06 công ty gồm: H23, Bảo Minh TN, T, Hồng Ngọc P9, H TN, Chi nhánh Công ty T33.

- Giao cho Dương Thị Băng T19 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 02 công ty gồm: Hương Gia T20 và Hồng P10.

- Giao cho Nguyễn Đắc S1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) công ty H24.

Về thu lợi bất chính:

Tổng số tiền mà B và T16 đã nhận từ việc bán hoá đơn khống là 7.110.000.000 đồng (chỉ thu đến 02/2025). B, T16 đã đưa P7 số tiền khoảng 3.500.000.000 đồng là tiền cơ chế cho cán bộ thuế tỉnh Thái Nguyên; mua hóa đơn đầu vào khoảng 1.600.000.000 đồng; trả lương kế toán và phải trả lại cho khách số tiền khoảng 410.000.000 đồng do hoá đơn bị loại. Còn lại số tiền 1.600.000.000 đồng; B và T16 mỗi người hưởng lợi 800.000.000 đồng.

Như vậy, B được hưởng lợi tổng số tiền 1.050.000.000 đồng từ việc mua bán trái phép hoá đơn của Công ty T22, T, K, 37 công ty tại Móng và 11 công ty tại Thái Nguyên.

B đã chuyển khoản cho Vân A1 tổng số tiền 127.000.000 đồng. Tuy nhiên, đầu năm 2025 do Vân A1 và B, T16 thường xuyên di chuyển M, Thái Nguyên, B chỉ đạo Vân A1 trả các chi phí chung này từ tiền B đưa, còn thiếu sẽ trả sau nên thực tế, số tiền Vân A1 được hưởng lợi bất chính từ hoạt động giúp sức cho B mua bán trái phép hoá đơn là 35.000.000 đồng.

Ngoài việc giúp sức cho Bình bán trái phép hoá đơn từ các công ty thành lập ở M và Thái Nguyên. Sau khi, Nguyễn Kim B bị cơ quan điều tra bắt giữ, Đào Thị Vân A1 còn mua của người đàn ông có tài khoản Telegram “Trung Thành” (chưa rõ nhân thân lai lịch) 30 hoá đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 22.028.718.190 đồng của Công ty K3, MST: 0317908129 và 17 hoá đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 19.334.234.079 đồng của Công ty D4, MST: 3703276649 với giá 1,5% để bán lại cho người phụ nữ có tài khoản Telegram “SVC” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1,6% cho Công ty CP Đ8. Những người này đều là khách hàng cũ của B. Do các công ty chưa thực hiện việc đảo tiền và chưa thực hiện việc thanh toán tiền mua, bán hoá đơn nên Vân A1 chưa được hưởng lợi.

** Đối với các công ty của riêng của Nguyễn Kim B*

Khoảng đầu năm 2023, Nguyễn Kim B thuê dịch vụ trên mạng xã hội để thành lập và làm giám đốc 02 công ty để bán trái phép hoá đơn gồm:

(1) Công ty TNHH S5 (sau đây gọi là Công ty S5), MST: 4601603024, địa chỉ: số A L, phường H, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, B chưa bán hoá đơn.

(2) Công ty TNHH V6 (sau đây gọi là Công ty V6), MST: 0901150667, địa chỉ: thôn L, xã X, tỉnh Hưng Yên. B thuê 01 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm kế toán, mua hoá đơn đầu vào và xuất hoá đơn khống cho khách hàng. Từ ngày 18/12/2023 đến ngày 28/12/2023, B đã xuất bán 10 hoá đơn khống, doanh số (chưa thuế VAT) là 1.680.391.500 đồng. Do công ty V6 chỉ hoạt động bán hoá đơn khống trong 10 ngày nên khách hàng không trả tiền, B không được hưởng lợi.

2. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Chu Đức C, Nguyễn Văn Mạnh

Cường đã cùng B, C1 mua bán trái phép hóa đơn của Công ty T22 và T. Ngoài ra, biết Nguyễn Văn M1 có mối quan hệ với Nguyễn Thịnh T7 - Chi cục trưởng chi cục thuế T, tỉnh Quảng Ninh nên C4 cùng M1 còn thống nhất thành lập Công ty TNHH Đ5 (sau đây gọi là Công ty Đ5), MST: 5702167400, địa chỉ: Khu

E phường H, TP M, Quảng Ninh, Giám đốc là Chu Đức C để mua bán trái phép hóa đơn và chi số tiền 01% doanh số (chưa thuế VAT) là tiền cơ chế “làm luật, bôi trơn” cho Nguyễn Thịnh T7 để được bán trái phép hoá đơn, lợi nhuận sẽ chia đôi. M1 có nhiệm vụ liên hệ với Nguyễn Thịnh T7 để T7 tạo điều kiện thành lập các công ty ma; C sẽ tìm khách để mua, bán hóa đơn.

Để hợp thức đầu vào cho Công ty Đ5, C mua hóa đơn khống của người đàn ông tên L1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) từ các Công ty M4 (MST: 0901153202), Công ty T38 (MST: 0901170328) và Công ty H25 (MST: 0901170423); của người phụ nữ tên P (chưa rõ nhân thân lai lịch) từ Công ty T39 (MST: 0318499630), Công ty N6 (MST: 1801775201); của người phụ nữ tên H9 (chưa rõ nhân thân lai lịch) từ Công ty G1 (MST: 0110720096) với giá từ 2,2 đến 2,5% giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. Việc trả tiền mua hoá đơn được thực hiện qua dịch vụ chuyển tiền 24/7.

C giao cho Phạm Thị T5 công ty Đ5 để xuất hóa đơn khống cho Công ty TNHH T24, MST: 1000440676, địa chỉ: KCN C, thị trấn A, Q, Thái Bình với giá 2,8%. Từ tháng 10 – 12/2024, Công ty Đ5 đã mua 82 hoá đơn khống, doanh số chưa thuế VAT là 178.948.717.600 đồng và xuất bán 78 hóa đơn khống, doanh số chưa thuế VAT là 168.190.949.100 đồng.

Cách thức mua bán, đảo tiền mua bán hoá đơn của công ty Đ5 và Công ty T24: thực hiện tương tự Công ty V1.

* Đồng thời, C còn mua của Nguyễn Kim B 14 hoá đơn, doanh số chưa thuế VAT là 9.009.483.334 đồng của Chi nhánh Công ty T33 và 08 hoá đơn, doanh số chưa thuế VAT là 2.705.183.000 đồng của Công ty H22 với giá 1,8% và bán lại cho Đào Anh Q6 để hợp thức hóa cho lượng hàng hóa không có hóa đơn chứng từ của Công ty A4 (MST: 0202168573) với giá 02%. Do Q6 mới trả tiền mua hoá đơn của Chi nhánh Công ty T33 nên C được hưởng lợi bất chính số tiền khoảng 18.000.000 đồng.

Về thu lợi bất chính: T5 mới trả cho C khoảng gần 4.000.000.000 đồng (T5 còn thiếu, chưa thanh toán cho C). C đã chi phí hết số tiền này gồm: chi phí mua hóa đơn đầu vào khoảng 2.425.000.000 đồng và chi tiền cơ chế “bôi trơn, làm luật” cho Nguyễn Thịnh T7 số tiền 1.575.000.000 đồng. C, M1 chưa được hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty Đ5.

** Kết quả khám xét; thu giữ đồ vật, tài liệu; trưng cầu giám định:*

- Khám xét khẩn cấp chỗ ở C, Nguyễn Kim B, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thu H3, Đào Thị Vân A1, Phạm Thị Q3 và khám xét nơi ở của Nguyễn Ngọc C1: không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

- Thu giữ của Nguyễn Thịnh T7 01 điện thoại Iphone 13 Promax màu ghi đen; của Dương Thị Thu H1 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu trắng, của Nguyễn Văn M1 01 điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra màu ghi bạc, của Nguyễn Kim B 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu xanh xám, 01 điện thoại Iphone X màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy A15 màu xanh dương; của Chu Đức C 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu ghi đen; của Đào Thị Vân A1 01

điện thoại Iphone 14 Promax màu tím, 01 điện thoại Iphone 14 màu tím, 01 MacBook nhãn hiệu Apple màu xám, của Nguyễn Thu H3 01 điện thoại Glaxy S20 FE màu xanh và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen; của Phạm Thị Q3: 01 điện thoại Iphone 16 Pro Max màu vàng, 01 Iphone 14 Pro Max màu vàng và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer màu bạc, tất cả đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu điện thoại di động, máy tính laptop thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 1099/KL-KTHS ngày 12/5/2025 và Kết luận giám định số 2397, 2398/KL-KTHS ngày 28/8/2025 của Phòng K4 – Công an thành phố H kết luận: tìm thấy được nhiều cuộc gọi, tin nhắn và tài liệu có liên quan đến việc mua bán trái phép hoá đơn phù hợp với kết quả trích xuất, thu giữ dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác.

- Gia đình các bị can Chu Đức C nộp 50.000.000 đồng; Nguyễn Kim B nộp 150.000.000 đồng; Đào Thị Vân A1 nộp 35.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc C1 nộp 8.000.000 đồng; Nguyễn Văn M1 nộp: 50.000.000 đồng; Nguyễn Thu H3 nộp 10.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính của các bị can.

** Kết quả trích xuất, thu giữ đồ vật, dữ liệu điện tử:*

- Thu giữ hình ảnh chụp màn hình điện thoại của Nguyễn Văn M1 và Dương Thị Thu H1 chứa nội dung trao đổi qua ứng dụng Zalo giữa M1, H1 với Nguyễn Thịnh T7 về việc đề nghị Trường hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các Công ty do B, C thành lập, kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế T được hoạt động mua bán trái phép hóa đơn.

- Thu giữ tại máy tính cá nhân của Nguyễn Thu H3: Dữ liệu liên quan đến 25 Công ty do Nguyễn Kim B tổ chức thành lập tại M và 29 hóa đơn điện tử của Công ty N4, Công ty V2, Công ty H20, Công ty Đ5.

- Trích xuất dữ liệu trên máy tính cá nhân của Q3 liên quan đến việc mua bán hoá đơn của Công ty V4 và Công ty L3.

- Trích xuất dữ liệu trên điện thoại của Nguyễn Kim B thể hiện nội dung trao đổi qua ứng dụng Zalo giữa Vân A1 và Q3 liên quan đến đối chiếu doanh số, báo cáo thuế các công ty của B giao cho D1.

** Kết quả xác minh về các tài khoản của cá nhân, tổ chức*

- Tài khoản số 2919876868 của Chu Đức C tại ngân hàng A5 nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản của Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Kim B, Đào Thị Vân A1, một số khách hàng mua hoá đơn và nhận tiền chuyển từ tài khoản của Phạm Thị T5, Hoàng Sỹ T6.

- Tài khoản số 0031000306287 của Dương Thị Thu H1 tại ngân hàng V7 nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản của C, B và nhận tiền từ tài khoản của Trần Thị D1.

- Tài khoản số 9022228888 của Nguyễn Ngọc C1 tại ngân hàng A5: có nhiều khoản nộp chuyển tiền vào tài khoản của C và khách mua hoá đơn.

- Tài khoản số 9055556666 của Nguyễn Kim B tại ngân hàng A5: nhiều lần nhận tiền chuyển từ tài khoản của Hoàng Sỹ T6, Dương Thị Thu H1.

- Giữa tài khoản các công ty “ma” của B, C, M1, C1 và tài khoản của các công ty sử dụng hoá đơn: nhiều lần các công ty sử dụng hoá đơn thực hiện việc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng nhằm hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn.

** Kết quả xác minh trụ sở các công ty “ma”*

- Công ty T22, Công ty TNHH K3 và Công ty TNHH D4 không có hoạt động kinh doanh, không treo biển hiệu tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. Công ty V1 không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế.

- Xác minh tại các Công an phường, xã thuộc TP M, kết quả: Tại địa điểm đăng ký trụ sở của các Công ty do B, C lập tại TP M (38 công ty) không có hoạt động kinh doanh, không treo biển hiệu công ty.

- Xác minh tại các Công an phường, xã T - Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, kết quả: Tại địa điểm đăng ký trụ sở của các Công ty do B lập tại tỉnh Thái Nguyên (11 công ty) không có hoạt động kinh doanh, không treo biển hiệu công ty.

** Kết quả xác minh về Giám đốc các công ty “ma”*

Cơ quan điều tra xác minh 38 đối tượng đứng tên giám đốc trên đăng ký kinh doanh của 50 công ty (gồm 37 công ty tại Quảng Ninh, 11 công ty tại Thái Nguyên, Công ty K3, D), kết quả:

Đã triệu tập, ghi lời khai được 14/38 đối tượng. Các đối tượng đều khai không biết mình là giám đốc công ty, không chỉ đạo, điều hành, không tham gia vào hoạt động của công ty, không biết các thông tin có liên quan khác.

07/38 đối tượng có đăng ký HKTT tại địa phương nhưng vắng mặt, không báo cáo chính quyền địa phương, chưa xác định được nơi cư trú.

17/38 đối tượng có nơi cư trú tại tỉnh ngoài đã gửi công văn đề nghị hỗ trợ xác minh nhưng chưa nhận được kết quả trả lời.

** Kết quả xác minh các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn của các công ty “ma”*

35 doanh nghiệp đến làm việc, giải trình có mua hàng hóa thật như nội dung thể hiện tại hóa đơn, hợp đồng kèm theo, không mua trái phép hóa đơn. Các doanh nghiệp đều mua hàng hóa của những người đến trụ sở, công trình, kho bãi chào bán hàng. Khi thỏa thuận mua bán, các doanh nghiệp yêu cầu người bán hàng phải xuất hóa đơn GTGT, chứng từ kèm theo đúng quy định thì được người bán hàng cung cấp thông tin các công ty xuất hóa đơn GTGT đều đang trong tình trạng hoạt động bình thường, không bị đóng mã số thuế nên tin tưởng mua hàng. Tại thời điểm xác minh, các doanh nghiệp đều có văn phòng, có kho bãi hàng hóa, có phương tiện kinh doanh, có hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường. Chủ doanh nghiệp không biết các công ty xuất hóa đơn là công ty M5, đều mua hàng và được xuất hóa đơn qua trung gian (không rõ nhân thân, lai lịch).

06 doanh nghiệp, giám đốc vắng mặt tại địa phương chưa triệu tập được. 59 doanh nghiệp đã triệu tập nhưng chưa lên làm việc. 14 doanh nghiệp đã triệu tập, đang làm việc yêu cầu cung cấp tài liệu.

03 người đại diện của 03 doanh nghiệp thừa nhận hành vi mua trái phép hóa đơn, đã bị khởi tố bị can và điều tra gồm: Bùi Thị M3, Giám đốc Công ty TNHH P11, MST: 0202161842; Đào Anh Q6, Kế toán Công ty TNHH Đ9 Q6, MST: 0202168573 và Đặng Xuân T21 – Giám đốc Công ty CP X1.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H các bị can khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị can Nguyễn Kim B, Chu Đức C, Nguyễn Văn M1, Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3, Nguyễn Ngọc C1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, sao kê lịch sử giao dịch ngân hàng, đồ vật, tài liệu thu giữ, kết quả trích xuất dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

** Về xử lý vật chứng:*

Chuyển đến Thi hành án dân sự thành phố để quản lý theo quy định các đồ vật gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra màu ghi bạc, 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu xanh xám, 01 điện thoại Iphone X màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy A15 màu xanh dương, 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu ghi đen; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu tím, 01 điện thoại Iphone 14 màu tím, 01 điện thoại Galaxy S20 FE màu xanh; 01 MacBook nhãn hiệu Apple màu xám, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen, tất cả đã qua sử dụng.

Số tiền: 303.000.000 đồng do các bị can Chu Đức C, Nguyễn Kim B, Đào Thị Vân A1, Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Thu H3 giao nộp.

Đối với Phạm Trung H5 được thuê làm Giám đốc Công ty V1, trực tiếp đến Công ty T24 ký hợp đồng cung cấp hàng hoá và không biết C, B, C1, T5 mua bán trái phép hoá đơn, chưa nhận lợi ích gì nên không xử lý.

Đối với Phạm Thị Q3 đã bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh B khởi tố bị can và điều tra về Tội mua bán trái phép hoá đơn (có liên quan đến Công ty P13 và Công ty T26).

Đối với Nguyễn Thị T2 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận N, TP Hải Phòng khởi tố và điều tra về Tội mua bán trái phép hoá đơn (có liên quan đến Công ty P11, Minh C5 và một số công ty khác), nên không xử lý trong vụ án này

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 17223/QĐ-CSKT ngày 28/8/2025 để điều tra làm rõ hành vi của Phạm Thị T5 và những đối tượng liên quan; đã khởi tố bị can đối với Nguyễn Thịnh T7 về Tội nhận hối lộ, đối với Đào Anh Q6 về Tội trốn thuế, đang điều tra làm rõ.

Ngày 28/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 17224/QĐ-CSKT để tiếp tục điều tra làm rõ đối với: Nguyễn Văn T16, các đối tượng A2, N,

H9 (Kế toán Công ty T22); L1, H9, P, Vương Văn C2 (bán hoá đơn đầu vào cho C, B); Trần Thị D1, Phạm Thị Q3, Nguyễn Văn T18, Vũ Văn S3, Dương Thị Băng T19, Nguyễn Văn C3, Nguyễn Văn A3 (K2), H8, Nguyễn Đắc S1 (bán hoá đơn cho các công ty của B); đối tượng bán hoá đơn tại Công ty K3, D; các công ty xuất hoá đơn đầu vào và các công ty sử dụng hoá đơn không của C, B.

Bản Cáo trạng số 99/CT-VKSHP-P3 ngày 19/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Kim B, Chu Đức C, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Ngọc C1 về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3 về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố là đúng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối hận, các bị cáo M1, H3, Vân A1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính (bị cáo M1 đã nộp lại 150 triệu đồng tiền thu lợi bất chính, bị cáo H3 đã nộp lại 40 triệu đồng tiền thu lợi bất chính, bị cáo Vân A1 đã nộp lại 35 triệu đồng tiền thu lợi bất chính), các bị cáo B, C, C1 đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính (bị cáo B đã nộp lại 150 triệu đồng tiền thu lợi bất chính, bị cáo C đã nộp lại 50 triệu đồng tiền thu lợi bất chính, bị cáo C1 đã nộp lại 28 triệu đồng tiền thu lợi bất chính) để khắc phục hậu quả và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, áp dụng xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo B, M1, C1, Vân A1, H3; các bị cáo B, M1, C1, Vân A1, H3 cũng đã nộp tổng số tiền 90 triệu đồng (bị cáo B, M1, Vân A1, H3 mỗi bị cáo 20 triệu đồng, bị cáo C1 10 triệu đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để đảm bảo khả năng thi hành án phạt tiền.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo B, M1) Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Kim B từ 300 triệu đồng đến 320 triệu đồng, bị cáo Nguyễn Văn M1 từ 250 triệu đồng đến 270 triệu đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc C1 từ 220 triệu đồng đến 240 triệu đồng, về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Đức C 08 tháng 08 ngày tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C 20 triệu đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H3) Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền bị cáo Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3, mỗi bị cáo từ 200 triệu đồng đến 210 triệu đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo B, M1, C1, Vân A1, H3.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra màu ghi bạc thu giữ của Nguyễn Văn M1; 01 điện thoại Iphone X màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy A15 màu xanh dương thu giữ của Nguyễn Kim B; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu ghi đen thu giữ của Chu Đức C; 01 MacBook nhãn hiệu Apple màu xám thu giữ của Đào Thị Vân A1; 01 điện thoại Galaxy S20 FE màu xanh, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen thu giữ của Nguyễn Thu H3.

Trả lại bị cáo Nguyễn Kim B 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu xanh xám. Trả lại bị cáo Đào Thị Vân A1 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu tím, 01 điện thoại Iphone 14 màu tím.

Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo B thu lợi bất chính số tiền 1.050.000.000 đồng, bị cáo đã nộp lại số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 900.000.000 đồng buộc bị cáo B phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Bị cáo C thu lợi bất chính số tiền 118.000.000 đồng, bị cáo đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 68.000.000 đồng buộc bị cáo C phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Bị cáo C1 thu lợi bất chính số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo đã nộp lại 28.000.000 đồng, còn lại số tiền 72.000.000 đồng buộc bị cáo C1 phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Bị cáo M1 thu lợi bất chính số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo M1 đã nộp lại đủ 150.000.000 đồng. Bị cáo H3 thu lợi bất chính số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo H3 đã nộp lại đủ 40.000.000 đồng. Bị cáo Vân A1 thu lợi bất chính số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Vân A1 đã nộp lại đủ số tiền 35.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp, buộc bị cáo B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 900.000.000 đồng còn lại, buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 68.000.000 đồng còn lại, buộc bị cáo C1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 72.000.000 đồng còn lại.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Kim B đã mua lại và thành lập 52 công ty để mua bán trái phép hoá đơn. Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 02 năm 2025, B đã mua 491 hóa đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 499.412.698.887 đồng để làm đầu vào và xuất bán 3.306 hoá đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 4.018.570.378.675 đồng; hưởng lợi bất chính số tiền: 1.050.000.000 đồng. Chu Đức C đã mua lại và thành lập 03 công ty để mua bán trái phép hóa đơn; mua và bán lại cho khách hàng hóa đơn của Chi nhánh công ty T33, Công ty H22. Từ tháng 01 năm 2023 đến 09 năm 2024, C đã mua 180 hóa đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 268.618.039.307 đồng để làm đầu vào và xuất bán 199 hoá đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 269.228.163.075 đồng; hưởng lợi bất chính số tiền: 118.000.000 đồng. Nguyễn Văn M1 đã cùng Chu Đức C, Nguyễn Kim B thành lập 38 công ty có trụ sở tại M để mua bán trái phép hóa đơn. Từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 9 năm 2024, Nguyễn Văn M1 đã cùng B, C mua 275 hóa đơn không, doanh số (chưa thuế VAT) là 283.832.737.103 đồng để làm đầu vào và xuất bán 1.157 hoá đơn, doanh số (chưa thuế VAT) là 1.269.344.554.864 đồng; hưởng lợi bất chính số tiền: 150.000.000 đồng. Từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024, Nguyễn Thu H3 đã giúp sức cho Nguyễn Kim Bình B4 trái phép 508 hóa đơn, doanh số chưa thuế VAT là 562.293.523.120 đồng của 29 công ty tại M, hưởng lợi bất chính số tiền 40.000.000 đồng. Đào Thị Vân A1 đã giúp sức cho Nguyễn Kim Bình B4 trái phép hóa đơn của 37 công ty thành lập tại M, 11 công ty thành lập tại Thái Nguyên. Từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 02 năm 2025, Đào Thị Vân A1 đã giúp sức và bán 2.736 hóa đơn, doanh số chưa thuế VAT là 3.406.636.878.683 đồng; hưởng lợi bất chính số tiền 35.000.000 đồng. Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, Nguyễn Ngọc C1 cùng Nguyễn Kim B, Chu Đức C mua lại Công ty T22 và thành lập Công ty V1 để mua bán trái phép hóa đơn; đã mua 98 hóa đơn không, doanh số chưa thuế VAT là 89.669.321.707 đồng để làm đầu vào và xuất bán 99 hóa đơn, doanh số chưa thuế VAT là 89.322.547.641 đồng; hưởng lợi bất chính số tiền: 100.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Kim B, Chu Đức C, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Ngọc C1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự (tình tiết định khung “...hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên” và “thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên”); bị cáo Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự (tình tiết định khung “... hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”) như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn do Nhà nước thống nhất phát hành, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H3 hiện đang mang thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo B, M1, C tích cực khai báo, hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm mới nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo B có ông ngoại tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, là thương binh hạng 2/4; bị cáo C đã tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Vân A1 có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương; bị cáo H3 có ông ngoại có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương, có bà ngoại có công với cách mạng; bị cáo B, C, C1 đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính, bị cáo M1, H3, Vân A1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo B thành lập, mua bán hóa đơn với số lượng lớn nhất, được hưởng lợi nhiều nhất nên có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo M1, C có vai trò cao thứ 2 sau bị cáo B. Bị cáo C1 có vai trò cao thứ ba sau bị cáo M1, C. Bị cáo Vân A1, H3 giúp sức cho B trong việc bán trái phép hóa đơn, được hưởng lợi ít nhất nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[7] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với các bị cáo B, M1, C1, Vân A1, H3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo B, C1 đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính, bị cáo M1, H3, Vân A1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và đã tự nguyện nộp tổng số tiền 90 triệu đồng (bị cáo B, M1, Vân A1, H3 mỗi bị cáo 20 triệu đồng, bị cáo C1 10 triệu đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để chứng minh có điều kiện kinh tế, đảm bảo khả năng thi hành án phạt tiền thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Do đó, đủ điều kiện xem xét áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo B, M1, C1, Vân A1, H3 cũng đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Đối với bị cáo C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 và

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có thể xem xét cho bị cáo C mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đã đủ nghiêm để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B, M1, C1, Vân A1, H3 vì đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo. Đối với bị cáo C ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra màu ghi bạc thu giữ của Nguyễn Văn M1; 01 điện thoại Iphone X màu trắng, 01 điện thoại Samsung Galaxy A15 màu xanh dương thu giữ của Nguyễn Kim B; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu ghi đen thu giữ của Chu Đức C; 01 MacBook nhãn hiệu Apple màu xám thu giữ của Đào Thị Vân A1; 01 điện thoại Glaxy S20 FE màu xanh, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen thu giữ của Nguyễn Thu H3 dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu xanh xám thu giữ của Nguyễn Kim B không liên quan đến việc phạm tội trả lại cho bị cáo Nguyễn Kim B; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu tím, 01 điện thoại Iphone 14 màu tím thu giữ của Đào Thị Vân A1 không liên quan đến việc phạm tội trả lại cho bị cáo Đào Thị Vân A1.

[10] Về số tiền thu lợi bất chính: Bị cáo B thu lợi bất chính số tiền 1.050.000.000 đồng, bị cáo đã nộp lại số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 900.000.000 đồng buộc bị cáo B phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Bị cáo C thu lợi bất chính số tiền 118.000.000 đồng, bị cáo đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 68.000.000 đồng buộc bị cáo C phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Bị cáo C1 thu lợi bất chính số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo đã nộp lại 28.000.000 đồng, còn lại số tiền 72.000.000 đồng buộc bị cáo C1 phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Bị cáo M1 thu lợi bất chính số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo M1 đã nộp lại đủ 150.000.000 đồng. Bị cáo H3 thu lợi bất chính số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo H3 đã nộp lại đủ 40.000.000 đồng. Bị cáo Vân A1 thu lợi bất chính số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo Vân A1 đã nộp lại đủ số tiền 35.000.000 đồng. Vì vậy, tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp, buộc bị cáo B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 900.000.000 đồng còn lại, buộc bị cáo C phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 68.000.000 đồng còn lại, buộc bị cáo C1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 72.000.000 đồng còn lại.

[11] Đối với số tiền các bị cáo tự nguyện nộp trước khi xét xử (bị cáo B, M1, Vân A1, H3 mỗi bị cáo 20 triệu đồng, bị cáo C1 10 triệu đồng) cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo B, M1) Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim B, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Ngọc C1 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Kim B 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn M1 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Ngọc C1 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Chu Đức C phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Xử phạt bị cáo Chu Đức C 08 (Tám) tháng 08 (Tám) ngày tù, trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ, tạm giam trước (từ ngày 01/4/2025 đến ngày 04/12/2025) là 248 ngày, quy đổi là 08 (Tám) tháng 08 (Tám) ngày. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Chu Đức C 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17, Điều 35, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo H3) Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Xử phạt tiền bị cáo Đào Thị Vân A1 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thu H3 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C1, Nguyễn Thu H3; hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với bị cáo Nguyễn Kim B, Nguyễn Văn M1, Đào Thị Vân A1, Chu Đức C.

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Samsung Galaxy S23 Ultra màu ghi bạc số imei: 355157580629821 thu giữ của Nguyễn Văn M1; 01 điện thoại Iphone X màu trắng trong phong bì niêm phong kí hiệu PC03 16286 A1, 01 điện thoại Samsung Galaxy A15 màu xanh dương trong phong bì niêm phong kí

hiệu PC03 16286 A2, thu giữ của Nguyễn Kim B; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu ghi đen thu giữ của Chu Đức C; 01 MacBook nhãn hiệu Apple màu xám Serial: FVFZV810L40Y thu giữ của Đào Thị Vân A1; 01 điện thoại Glaxy S20 FE màu xanh số imei: 355728260279804, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen có số S/N2LQ5NT1, thu giữ của Nguyễn Thu H3.

Trả lại bị cáo Nguyễn Kim B 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu xám số imei: 351479726353783. Trả lại bị cáo Đào Thị Vân A1 01 điện thoại Iphone màu tím trên mặt trước có dán tem trên tem có chữ A2, 01 điện thoại Iphone màu tím trên mặt trước có dán tem trên tem có chữ A1;

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/12/2025 giữa Công an thành phố H và Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 150.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo B đã nộp, số tiền 50.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo C đã nộp, số tiền 28.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo C1 đã nộp, số tiền 150.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo M1 đã nộp, số tiền 40.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo H3 đã nộp, số tiền 35.000.000 đồng thu lợi bất chính bị cáo Vân A1 đã nộp.

Buộc bị cáo Nguyễn Kim B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 900.000.000 đồng còn lại, buộc bị cáo Chu Đức C phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 68.000.000 đồng còn lại, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 72.000.000 đồng còn lại, để sung quỹ Nhà nước.

Tạm giữ: Số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Kim B, số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn M1, số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Đào Thị Vân A1, số tiền 20.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thu H3, số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc C1 đã tự nguyện nộp trước khi xét xử để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 29/12/2025 tại Kho bạc Nhà nước khu vực III, Biên lai thu tiền số 0000642 ngày 10/9/2025, số 0001756 ngày 03/12/2025, số 0002190, 0002191 ngày 29/12/2025, số 0000873, 0000874 ngày 06/3/2026, số 0000896, 0000897 ngày 09/3/2026, số 0000909 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Kim B, Chu Đức C, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Ngọc C1, Đào Thị Vân A1, Nguyễn Thu H3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an TP Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa